

Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm góp phần đảm bảo nguồn nhân lực giáo dục

Mạc Thị Việt Hà

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: hamtv@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: Hỗ trợ tài chính cho sinh viên nói chung và cho sinh viên sư phạm nói riêng là chính sách được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới. Một trong những mục tiêu của chính sách này là nhằm đảm bảo nguồn nhân lực trong lĩnh vực ưu tiên. Tại Việt Nam, chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm đã được áp dụng 20 năm. Tuy nhiên, chính sách này bộc lộ một số bất cập. Mới đây, Luật Giáo dục 2019 đã quy định, sinh viên sư phạm được hỗ trợ toàn bộ tiền học phí và sinh hoạt phí. Để cụ thể hóa Luật Giáo dục 2019 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2020), Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2020/NĐ-CP, trong đó cụ thể hóa chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm, thay thế cho chính sách cũ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính sách mới có tính khả thi trong việc đảm bảo nguồn nhân lực giáo dục cho quốc gia.

TỪ KHÓA: Hỗ trợ tài chính; sinh viên sư phạm; nguồn nhân lực giáo dục; Nghị định 116/2020/NĐ-CP.

→ Nhận bài 19/02/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 01/3/2021 → Duyệt đăng 10/5/2021.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục (GD) luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi quốc gia. Nelson Mandela từng nói: “Đề phá hủy bất kì quốc gia nào, không cần phải sử dụng đến bom nguyên tử hoặc tên lửa tầm xa. Chỉ cần hạ thấp chất lượng GD và cho phép gian lận trong các kì thi của sinh viên (SV)”. Ông kết luận: “Sự sụp đổ của GD là sự sụp đổ của một quốc gia.” (Nelson Maldela - Cựu Tổng thống Nam Phi phát biểu trong chuyên thăm Trường Đại học Nam Phi). Chính vì vậy, chính sách GD và ngân sách dành cho GD luôn là lĩnh vực ưu tiên của các quốc gia. Trong số các mục tiêu vĩ mô thì việc đáp ứng nhu cầu nhân lực quốc gia luôn là một trong những mục tiêu quan trọng mà chính phủ và các nhà quản lí GD (QLGD) tính đến khi xây dựng chính sách về GD. Nhiều chính sách có thể được áp dụng để hướng tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực GD, trong đó chính sách hỗ trợ tài chính cho SV sư phạm (SVSP) có thể được kể đến như một chính sách có tác động tích cực. Chính sách hỗ trợ tài chính cho SV có thể được sử dụng như một công cụ để điều chỉnh cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực cũng như thu hút nguồn nhân lực cho những ngành nghề có nhu cầu cao [1].

Chính sách hỗ trợ tài chính cho SVSP được thực hiện dựa trên những cơ sở chung của các chính sách hỗ trợ tài chính nói chung, đồng thời cũng được xây dựng và thực hiện dựa trên những cơ sở và mục tiêu riêng để đảm bảo sự tập trung và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành GD. *Bài báo là kết quả nghiên cứu của Đề tài B2019-VKG-03NV.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm

2.1.1. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Mặc dù có nhiều thuật ngữ quốc tế được sử dụng để mô tả các chương trình hỗ trợ tài chính cho SV như: *Policy of: Student Financial Assistance Scheme, Financial Assistance Programs for Students, Tertiary Student Finance Schemes, Financial Assistance System for Tertiary Education, Student Financial Aid Programs* nhưng theo ý kiến chung của nhiều nhà nghiên cứu và nhiều cơ quan quản lí chương trình hỗ trợ tài chính dành cho SV trên thế giới, các chương trình hỗ trợ tài chính cho SV đều có hai điểm chung nhất định như sau:

Thứ nhất, các chương trình hỗ trợ tài chính cho SV là một “kênh” hỗ trợ tài chính cho người học và rộng hơn là một kênh cung cấp tài chính cho GD đại học, trong đó SV sẽ nhận được hỗ trợ tài chính dưới nhiều hình thức: Hỗ trợ không hoàn lại hoặc có hoàn lại, hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để trang trải các chi phí trực tiếp trong quá trình học tập (học phí, các khoản học tập, sinh hoạt phí) cho đến khi hoàn thành chương trình học. Nhờ đó, người học ghi danh và có tài chính trang trải cho việc theo học tại các cấp học tương ứng [2].

Thứ hai, các chương trình hỗ trợ tài chính cho SV là chính sách thực hiện chia sẻ chi phí trong GD. Năm 1970, lí thuyết về chia sẻ chi phí trong GD đại học đã được Johnstone, một nhà kinh tế Mĩ đưa ra. Theo Johnstone, chia sẻ chi phí hàm ý việc chuyển gánh nặng chi phí cho GD đại học từ chỗ “trông cậy” hoàn toàn hay gần như hoàn toàn vào chính phủ hay những người đóng thuế sang một số nguồn cung cấp tài chính khác,

cả dưới dạng học phí hoặc phí sử dụng nhằm chi trả toàn bộ các chi phí mà cơ sở GD hay chính phủ cung cấp trước đây. Các bên tham gia trong chia sẻ chi phí cũng là các bên tham gia chia sẻ khi thực hiện các chính sách về chương trình hỗ trợ tài chính cho SV bao gồm: chính phủ, nhà trường, phụ huynh và học sinh và các cá nhân và tổ chức hỗ trợ khác [3]. Trong đó, mỗi bên thực hiện những đóng góp nhất định khi thực hiện từng loại hình hỗ trợ tài chính cho SV.

Các chính sách hỗ trợ tài chính cho SV được triển khai thông qua nhiều loại hình chương trình khác nhau. Hai cách phổ biến nhất để phân loại chương trình hỗ trợ tài chính là phân loại theo nội dung chương trình và phân loại theo nguồn vốn của chương trình.

a. Phân loại theo nội dung chương trình

Theo cách phân loại này, có 3 loại hỗ trợ tài chính chủ yếu, bao gồm: hỗ trợ không hoàn lại (Gift aid), hỗ trợ thông qua việc làm (Employment aid) và tín dụng SV (Student Loan) [4]:

- Hỗ trợ không hoàn lại (Gift aid) bao gồm trợ cấp (Grant) và học bổng (Scholarship). Loại này là viện trợ không cần hoàn trả.

- Hỗ trợ việc làm (Employment aid) được biết đến là hỗ trợ thông qua chính sách tạo cơ hội việc làm cho SV, giúp họ có việc làm bán thời gian và kiếm được một phần chi phí GD.

- Tín dụng SV (Student Loan) là hình thức hỗ trợ tài chính cuối cùng, trong đó SV nhận được khoản vay để trang trải chi phí học tập cho đến khi hoàn thành khóa đào tạo ở trường đại học. Sau khi tốt nghiệp, tìm được việc làm và có thu nhập, họ bắt đầu trả nợ, hầu như luôn có tính lãi.

b. Phân loại theo nguồn vốn của các chương trình

Theo cách phân loại này, có 4 loại hình chương trình dựa trên 4 nguồn quỹ cho các chương trình hỗ trợ tài chính SV [4], đó là:

- Chương trình hỗ trợ tài chính cho SV chính phủ quốc gia, có nguồn quỹ của chính phủ và có phạm vi quốc gia. Ví dụ, các chương trình hỗ trợ được quản lý và cấp vốn từ các Bộ chuyên ngành, ngân hàng cấp quốc gia hoặc Chính phủ liên bang đối với các quốc gia liên bang (Hoa Kỳ).

- Chương trình hỗ trợ tài chính cho SV cấp tỉnh, có nguồn quỹ và được quản lý từ ngân sách của riêng tỉnh, địa phương, dành cho những SV đang theo học trên địa bàn hoặc những SV sinh sống tại địa phương đó hoặc được quản lý, viện trợ về tài chính từ chính quyền bang đối với các nước liên bang.

- Chương trình hỗ trợ tài chính cho SV của các cơ sở GD bao gồm hỗ trợ tài chính do các cơ sở GD (nhà trường) tài trợ và quản lý và áp dụng cho SV của các cơ sở này. Trong một số trường hợp, các nhà trường hợp tác với các ngân hàng thương mại để quản lý và phân

phối quỹ.

- Chương trình hỗ trợ tài chính cho SV của các quỹ tư nhân hoặc các tổ chức bên ngoài trường học bao gồm hỗ trợ tài chính được tài trợ và quản lý bởi các tổ chức phi chính phủ, công ty/chủ lao động hoặc ngân hàng thương mại.

2.1.2. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm

Giáo viên (GV) và đào tạo GV là những lĩnh vực rất quan trọng của bất kì quốc gia nào [5]. GV cũng được xem là yếu tố quyết định chất lượng của một nền GD. Trong công trình nghiên cứu “Làm thế nào để hệ thống nhà trường trở nên ưu tú nhất thế giới?” [6], các nhà khoa học đã đưa ra kết luận: “Chất lượng của hệ thống GD không thể vượt quá chất lượng của đội ngũ GV đang giảng dạy trong hệ thống đó”. Chính vì vậy, các quốc gia thường đặt ưu tiên cho lĩnh vực đào tạo GV. Một trong những chính sách được nhiều quốc gia áp dụng là hỗ trợ tài chính cho SVSP theo nhiều hình thức khác nhau. Chẳng hạn, ở Hoa Kỳ, SVSP được hưởng nhiều chương trình ưu đãi về tài chính như: Trợ cấp Teach (The Teacher Education Assistance for College and Higher Education (TEACH) Grant Program) dành riêng cho SVSP, Trợ cấp Smart (The National Science and Mathematics Access to Retain Talent (SMART) grant) dành cho SVSP học ngành Stem, trợ cấp của các bang và các tổ chức, cá nhân dành cho ngành Sư phạm [7]. Ở Singapore, Bộ GD chi trả toàn bộ học phí và cung cấp khoản chi phí sinh hoạt hằng tháng cho giáo sinh (tương đương 60% lương khởi điểm của GV). Đối với những giáo sinh tiếp tục học chương trình dự bị GV sau khi tốt nghiệp thì khoản tiền hằng tháng họ được nhận là tương đương với lương khởi điểm của các nhân viên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng làm việc trong ngành công vụ [8].

Tại Việt Nam, ngành Sư phạm/đào tạo GV cũng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Chính sách không thu học phí đối với SVSP được quy định tại Điều 77, Luật GD 1998, Điều 89 của Luật GD 2005 được thực hiện trong vòng hơn 20 năm qua. Song, thực trạng thời gian qua cho thấy, SV ra trường không làm đúng ngành gây lãng phí ngân sách Nhà nước (theo điều tra chỉ có khoảng 70% SV ra trường làm đúng ngành Sư phạm) [9]. Kinh phí cấp để chi thường xuyên cho cơ sở đào tạo sư phạm còn hạn chế trong khi các trường không được thu học phí, dẫn đến thiếu nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm [9].

Để khắc phục những hạn chế của chính sách này, tại kì họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật GD 2019 trong đó thay đổi phương thức hỗ trợ học phí đồng thời quy định thêm chính sách hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho học sinh, SVSP

để thu hút học sinh giỏi vào ngành Sư phạm, đồng thời tránh trường hợp SVSP ra trường không làm đúng ngành được đào tạo. Khoản 4, Điều 85 Luật GD 2019 quy định: “*Học sinh, SVSP được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành GD hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo*” [10].

Luật GD 2019 có hiệu lực từ tháng 7 năm 2020. Để triển khai cụ thể các quy định tại Luật GD 2019, ngày 25 tháng 9 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2020/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SV SP (dưới đây có thể được gọi tắt là “chính sách mới”).

2.2. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm góp phần đảm bảo nguồn nhân lực giáo dục

2.2.1. Nguồn nhân lực giáo dục

Hiểu một cách chung nhất, nguồn nhân lực GD là những người làm công tác chuyên môn trong ngành GD, trong đó đội ngũ GV là nòng cốt, chiếm đại đa số và đóng vai trò quyết định chất lượng của nền GD. Ngoài ra, còn có đội ngũ những người làm công tác quản lý và nghiên cứu GD.

Việc quản lý nguồn nhân lực GD là thách thức lớn mà nhiều quốc gia đang phải đối mặt. Thống kê gần đây cho thấy tình trạng thiếu GV diễn ra ở nhiều nơi. Vương quốc Anh đang đối mặt với tình trạng thiếu GV có trình độ nghiêm trọng. Theo BBC, tỉ lệ SV học sinh/GV đã tăng từ 15,5 trong năm 2010 lên 17 vào năm 2018, tăng gần 10%. Hơn nữa, tác động tiêu cực đã ảnh hưởng nhiều hơn đến chất lượng giáo dục ở các khu vực kém giàu có của đất nước. Tương tự, Viện Chính sách Kinh

tế (EPI) ước tính thiếu 110.000 GV ở Hoa Kỳ với tác động lớn nhất đến các quận nghèo trên cả nước. Việc thiếu GV có trình độ ở các vùng nông thôn Trung Quốc đã khiến các nhà chức trách khuyến khích GV đã nghỉ hưu tham gia giảng dạy. Tại Hà Lan, tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng đến mức công đoàn GV dự định đình công nếu chính phủ không phân bổ 423,5 triệu euro cho hệ thống giáo dục để tăng lương và giảm khối lượng công việc. Trên thực tế, một số trường đã phải đóng cửa sớm vì sự cố [11].

Việt Nam hiện nay đang đối mặt với tình trạng thừa vừa thiếu GV. Theo Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý GD (Bộ GD&ĐT), tình trạng thừa - thiếu GV cục bộ vẫn tồn tại ở các cấp học. Bảng 1 cho thấy, khu vực thiếu nhiều GV tiểu học nhất là Đồng bằng Sông Hồng (6.15%), tiếp đó là Bắc Trung Bộ (5.51%).

Sự khác biệt về tỉ lệ GV/lớp giữa các vùng thể hiện rõ nét nhất ở các trường mầm non, trung học cơ sở (THCS) và tiểu học học 1 buổi, mặc dù tình trạng thiếu GV ở các cấp học này ít nghiêm trọng hơn (xem mức chênh lệch trong Bảng 2). Ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng, trường tiểu học 2 buổi và trường THCS đối mặt với tình trạng thiếu GV có thể do nhu cầu đi học tăng lên khi dân cư dịch chuyển nhiều về các trung tâm thành thị. Ở vùng Đồng bằng Sông Hồng, 54% trường trung học phổ thông (THPT) phải đối mặt với tình trạng thiếu GV, gấp đôi mức trung bình toàn quốc; còn ở trường tiểu học học 2 buổi, con số này lên đến 62%. Điều quan trọng là phải cân bằng được chênh lệch này giữa các trường để cung cấp điều kiện dạy và học công bằng cho tất cả học sinh ở các địa phương. Bảng 2 cho thấy tỉ lệ GV/lớp của từng cấp học ở trường công lập và ngoài công lập trong 3 năm học 2010-2011, 2014-2015 và 2019-2020.

Ở bậc Mầm non, đối với khối mẫu giáo, tỉ lệ GV / nhóm trẻ trong cả ba năm học, cả ở trường công lập và

Bảng 1: Thực trạng thừa - thiếu GV tiểu học theo định mức, theo vùng năm học 2018 - 2019

STT	Địa phương	Lớp	GV hiện có	GV cần có theo định mức	GV thừa thiếu			
					Thừa	%	Thiếu	%
1	Toàn Quốc	283,156	404,148	399,881	20,624	5.16%	19,021	4.76%
2	Đồng bằng Sông Hồng	58,671	84,650	85,999	3,351	3.90%	5,285	6.15%
3	Miền núi phía Bắc	50,237	71,266	70,945	3,180	4.48%	3,385	4.77%
4	Bắc Trung Bộ	61,733	86,753	87,000	3,868	4.45%	4,793	5.51%
5	Tây Nguyên	21,940	31,299	29,860	2,155	7.22%	908	3.04%
6	Đông Nam Bộ	39,430	55,312	55,231	2,284	4.14%	2,466	4.46%
7	Đồng bằng Sông Cửu Long	51,145	74,868	70,847	5,786	8.17%	2,184	3.08%

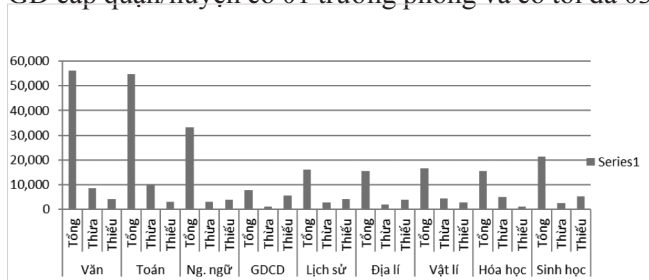
(Nguồn: Cục Công nghệ Thông tin, Bộ GD&ĐT)

ngoài công lập đều thấp hơn rất nhiều so với quy định. Đối với khối mẫu giáo, thông thường các trường nhận trẻ học cả hai buổi, tỉ lệ GV/lớp ở các trường cũng thấp hơn mức quy định. Điều này cho thấy tình trạng thiếu GV trầm trọng ở bậc Mầm non liên tục xảy ra trong suốt giai đoạn 10 năm qua.

Ở ba cấp học phổ thông, tỉ lệ GV/lớp cao hơn quy định trong năm học 2010-2011 và 2014-2015 cho thấy trong giai đoạn này, về cơ bản đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên, tỉ lệ này giảm ở cả ba cấp học trong năm học 2019-2020 so với năm học 2014-2015. Đặc biệt là, cấp THCS và THPT có tỉ lệ GV/lớp thấp hơn quy định cho thấy tình trạng thiếu GV đã xảy ra. Điều này có nghĩa là, việc xác định biên chế GV, nhất là GV mầm non chưa phản ánh đúng nhu cầu GV thực tế ở các cơ sở giáo dục công lập, công tác quy hoạch GV trong những năm gần đây chưa được đầy đủ, sát sao [12].

Thực trạng thừa/thiếu GV cũng diễn ra ở góc độ các môn học. Hình 1 cho thấy tình trạng vừa thừa vừa thiếu GV ở một số môn học chính trong phạm vi cả nước.

Cán bộ QLGD cấp sở, phòng ở đa số địa phương cũng đang ở tình trạng thiếu hụt. Theo quy định, mỗi phòng GD cấp quận/huyện có 01 trường phòng và có tối đa 03



(Nguồn: Cục Thông tin, Bộ GD&ĐT, 2020)

Hình 1: Tình trạng thừa/thiếu GV ở một số môn học

phó phòng, song thực tế cho thấy, mỗi Phòng GD&ĐT chỉ có 01 trường phòng và 1-2 phó phòng. Theo nhu cầu và vị trí việc làm, số lượng người cần thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ đối với cấp sở cần khoảng 65-70 người, cấp phòng cần khoảng 16-20 người nhưng trên thực tế, biên chế giao sở và phòng GD&ĐT phổ biến từ 8-10 người, có nơi chỉ 6-8 người làm việc ở các cơ quan quản lý GD theo yêu cầu của công việc. Nhiều phòng GD&ĐT thiếu cán bộ chuyên viên phụ trách các lĩnh vực để đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyên môn các bậc học của quận/huyện, nhiều lãnh đạo cấp phòng phải kiêm nhiệm luôn các công việc của chuyên viên, thậm chí phải điều động, biệt phái GV từ các trường lên phòng làm việc [13].

2.2.2. Chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm và việc đảm bảo nguồn nhân lực giáo dục

Các chính sách hỗ trợ tài chính cho SV mang lại nhiều ý nghĩa và tác dụng giúp thực hiện nhiều mục tiêu vĩ mô, trong đó một mục tiêu quan trọng là *đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực* [1]. Nhu cầu nhân lực ở đây thường bao hàm cả hai khía cạnh: số lượng và chất lượng. Chẳng hạn, chính sách hỗ trợ tài chính cho SVSP góp phần tạo sức hấp dẫn cho ngành Sư phạm, đồng thời giúp SV chuyên tâm hơn trong học tập - một yếu tố góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, thông thường, khi được nhận hỗ trợ, SV phải cam kết thực hiện một số điều khoản về công việc tương lai nhằm tạo điều kiện cho quản lý vĩ mô, như: Cam kết công tác tại một địa phương nào đó, giảng dạy cho những nhóm đối tượng nhất định, hoặc giảng dạy những lĩnh vực/môn học đang thiếu GV...

Bảng 2: Biên chế GV theo quy định và tỉ lệ GV/lớp thực tế, năm học 2010-2011, 2014-2015, 2019-2020

Cấp học	Biên chế GV theo quy định ở trường CL	Tỉ lệ GV /lớp thực tế								
		2010-2011			2014-2015			2019-2020		
		TQ	CL	NCL	TQ	CL	NCL	TQ	CL	NCL
MN-NT	2.5 GV/nhóm trẻ	1.50			1.70	1.89	1.26	1.75	1.83	1.64
MN-MG	* 1 buổi/ngày: ≤ 1.2 GV /lớp * 2 buổi/ngày: ≤ 2.2 GV /lớp	1.33	-	-	1.61	1.68	1.27	1.74	1.75	1.70
Tiểu học	* 1 buổi/ngày: ≤ 1.2 GV /lớp * 2 buổi/ngày: ≤ 1.5 GV /lớp	1.32	1.35	1.59	1.40	1.40	1.82	1.36	1.35	1.61
THCS	≤ 1.9 GV /lớp	2.07	2.07	2.33	2.07	2.07	2.53	1.86	1.87	1.18
THPT	* ≤ 2.25 GV /lớp * ≤ 2.4 GV /lớp ở trường PTDTNT * ≤ 3.1 GV /lớp ở trường chuyên	2.20	2.20	2.18	2.38	2.34	2.89	2.12	2.16	1.74

(Nguồn: Báo cáo Phân tích ngành GD, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, dựa trên số liệu từ Cục Công nghệ Thông tin - Bộ GD&ĐT)

Chú thích: TQ: toàn quốc; CL: công lập; NCL: ngoài công lập)

Chương trình TEACH của Mỹ là một ví dụ. Chương trình này cung cấp các khoản tài trợ lên tới 4.000 đô la một năm cho các SV đang hoàn thành hoặc dự định hoàn thành công việc khóa học cần thiết để bắt đầu sự nghiệp giảng dạy. Các SV muốn được nhận hỗ trợ từ chương trình này phải ký cam kết giảng dạy theo một trong những yêu cầu sau: Giảng dạy trong một lĩnh vực có nhu cầu cao; Giảng dạy tại một trường tiểu học, trung học hoặc một cơ sở GD phục vụ học sinh từ các gia đình có thu nhập thấp; Giảng dạy ít nhất 4 năm trọn vẹn trong khoảng thời gian 8 năm tính từ ngày kết thúc khóa học mà ứng viên đã được nhận tài trợ TEACH.

Nếu giáo sinh không thực hiện cam kết thì khoản trợ cấp TEACH sẽ trở thành khoản vay mà họ phải hoàn trả toàn bộ cùng với lãi suất tính từ ngày họ nhận khoản tiền đó. Đáng chú ý là, các lĩnh vực có nhu cầu cao có thể thay đổi theo năm, được chính phủ liên bang, chính phủ tiểu bang hoặc cơ quan GD địa phương xác định là có nhu cầu cao và được đưa vào Danh sách toàn quốc về tình trạng thiếu GV hằng năm (Danh sách toàn quốc). Chẳng hạn, năm 2019, các lĩnh vực có nhu cầu cao được xác định bao gồm: GD song ngữ, ngoại ngữ, toán học, đọc hiểu, khoa học và GD đặc biệt. Các trường tiểu học, trung học (công và tư) và các cơ sở GD phục vụ học sinh có thu nhập thấp cũng được liệt kê trong danh mục thu nhập thấp hàng năm [14].

Đối với giáo sinh Singapore, như đã đề cập ở trên, khi được nhận hỗ trợ tài chính từ Bộ GD cũng phải cam kết phục vụ trong ngành GD và không bỏ nghề trong khoảng thời gian quy định là 3- 6 năm [8]. Đây là điều kiện ràng buộc để đảm bảo tính ổn định của nguồn nhân lực GV.

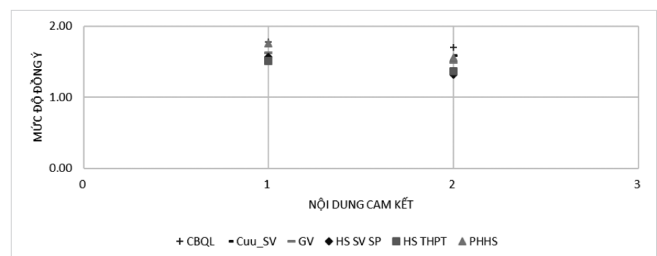
Chính sách hỗ trợ tài chính cho SVSP được ban hành mới đây trong Nghị định 116/2020/NĐ-CP cũng hướng tới mục tiêu đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ nhân lực GD. Khác với chính sách trước đây, chính sách mới quy định việc thực hiện theo hình thức đặt hàng từ các địa phương để đảm bảo việc đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực địa phương (khoản 1, Điều 11). Để tránh không lãng phí ngân sách và đảm bảo tính ổn định của nguồn nhân lực, Nghị định cũng đưa ra những ràng buộc để giáo sinh sau khi ra trường cam kết phục vụ trong ngành GD (Điều 6). Chính sách mới cũng hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng nhân lực GD trong tương lai với hàm ý một khi được trợ cấp học phí và toàn bộ sinh hoạt phí, SV sẽ chuyên tâm vào học tập, có chất lượng học tập tốt. Bởi vậy, những SV nghỉ học tạm thời, bị đình chỉ học tập tạm thời sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian nghỉ học hoặc bị đình chỉ học (Khoản 3, Điều 6) [15].

Để tìm hiểu cơ sở thực tiễn của Chính sách mới, nhóm nghiên cứu Đề tài B2019-VKG-03NV (Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất chính sách hỗ trợ tài

chính cho SVSP) đã tiến hành khảo sát tại 4 tỉnh/ thành phố: Hồ Chí Minh (314 người), Hà Nội (498 người), Thái Nguyên (312 người) và Nghệ An (310 người). Mẫu khảo sát bao gồm các nhóm đối tượng liên quan đến chính sách hỗ trợ SVSP, bao gồm cán bộ QLGD, đội ngũ giảng viên, học sinh THPT, SVSP, cựu SVSP và phụ huynh học sinh THPT. Một trong những câu hỏi đặt ra là liệu chính sách mới có thúc đẩy việc cam kết phục vụ trong ngành GD của SV sau khi ra trường, góp phần đảm bảo nguồn nhân lực của ngành GD?

Thông tin trả lời của các nhóm đối tượng được thu thập theo hai nội dung cam kết. Nội dung thứ nhất là học sinh, SVSP sau khi tốt nghiệp phải công tác trong ngành GD. Phương án thứ hai là thời gian công tác trong ngành GD ít nhất phải gấp hai lần thời gian đào tạo tại trường tính từ ngày được tuyển dụng. Hình 2 biểu diễn nhận định của các nhóm ở từng nội dung trên. Có thể thấy, tất cả các nhóm tương đối đồng ý với hai cam kết đưa ra. Phương án thứ nhất có mức đồng thuận nhìn hơn và tập trung hơn so với phương án thứ hai. Bên cạnh đó, câu hỏi về các tác động dự kiến mà chính sách mới có thể mang lại cũng được đặt ra. Mười tác động dự kiến được đưa vào khảo sát, từ việc tạo sức hút đối với ngành Sư phạm, tạo điều kiện SVSP yên tâm học tập đến việc nâng cao chất lượng GV trong tương lai (xem chú thích Hình 3). Kết quả thống kê nhận định của từng nhóm đối tượng khảo sát đối với từng tác động được biểu diễn ở Hình 3. Các mức độ tác động được đánh giá từ mức thấp nhất (mức 1) đến mức cao nhất (mức 5).

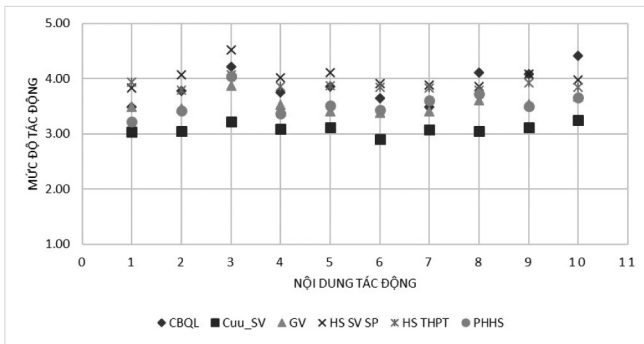
Hình 3 minh họa nhận định của các nhóm đối tượng khảo sát đối với từng tác động dự kiến. Về tổng thể, hầu hết các nhóm đều cho rằng các chính sách mới sẽ có tác động tích cực ở tất cả 10 nội dung trên (từ mức 3 trở lên, mức trung bình), trong đó nội dung thứ 10



(Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài B2019-VKG-03NV)

Hình 2: Nhận định của các nhóm về các cam kết đối với chính sách hỗ trợ SVSP

Chú thích: Hai phương án cam kết của với SV ngành Sư phạm được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ được mã hóa 1 và 2 ở trục hoành. Mã 1: SV SP sau khi tốt nghiệp phải công tác trong ngành GD. Mã 2: Thời gian công tác trong ngành GD ít nhất phải gấp hai lần thời gian đào tạo tại trường, tính từ ngày được tuyển dụng.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của Đề tài B2019-VKG-03NV)

Hình 3: Nhận định của các nhóm về sự tác động của chính sách đối với SVSP

Chú thích: Mười tác động khảo sát được mã hóa từ 1 đến 10 ở trục hoành. Mã 1: Thu hút học sinh giỏi vào ngành Sư phạm. Mã 2: Tạo sức hấp dẫn cho nghề giáo. Mã 3: Học sinh nghề/ có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được đi học. Mã 4: HS, SVSP sẽ chuyên tâm vào học tập. Mã 5: HS, SVSP có động lực phấn đấu. Mã 6: Đảm bảo đào tạo GV gắn với nhu cầu, sử dụng GV tại các địa phương. Mã 7: Sau khi ra trường, GV sẽ yên tâm với nghề. Mã 8: GV cảm thấy được xã hội tôn vinh. Mã 9: Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tương lai. Mã 10: Tăng sự cam kết phục vụ trong ngành Sư phạm sau khi ra trường của HS, SV.

(Tăng sự cam kết phục vụ trong ngành Sư phạm sau khi ra trường) được đánh giá có mức tác động lớn nhất. Nội dung thứ 6 (Đảm bảo đào tạo GV gắn với nhu cầu, sử dụng GV tại các địa phương) nhận được mức đánh giá thấp hơn so với các nội dung khác mặc dù điểm vẫn trên trung bình đáng kể. Nhóm cựu SV có ý kiến đánh giá thấp về nội dung tác động này. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn và tọa đàm lại cho kết quả khả quan một cách thú vị khi các đối tượng được giải thích rõ về cơ chế đặt hàng theo nhu cầu đào tạo của địa phương. Có nghĩa là, việc đào tạo chỉ gắn với nhu cầu của địa phương, hay nói cách khác, chỉ giải quyết được vấn đề nhân lực GD ở địa phương khi việc đào tạo được thực hiện theo cơ chế đặt hàng và SV ra trường được sắp xếp công tác tại địa phương.

Như vậy, có thể nói, nếu một trong các mục tiêu của chính sách mới là đảm bảo nguồn nhân lực GD thì kết quả khảo sát cho thấy đây là điều khả thi, có cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời cũng phù hợp với xu hướng của nhiều nước trên thế giới.

3. Kết luận

Nguồn nhân lực ở bất cứ lĩnh vực nào đều đóng vai trò quyết định đến chất lượng của lĩnh vực đó. GD đương nhiên cũng không phải là ngoại lệ. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng GD thì đội ngũ nhân lực GD - mà GV là nòng cốt - phải được đảm bảo về số lượng và chất lượng. Đây là bài toán của tất cả các quốc gia. Nhiều chính sách đã và đang được áp dụng từ khâu tuyển chọn, thu hút SVSP đến các chính sách tạo động lực làm việc, giữ chân các GV đương nhiệm.

Chính sách hỗ trợ tài chính cho SVSP là một chính sách có tác động tích cực trong việc đảm bảo nguồn nhân lực GD. Chính sách mới của Việt Nam đã được nghiên cứu và đề ra những điểm mới khắc phục những hạn chế của chính sách trước đây, đồng thời nâng mức hỗ trợ lên một bậc bằng việc hỗ trợ toàn bộ sinh hoạt phí cho SVSP. Đây cũng được đánh giá là một chính sách nhân văn khi nó tạo điều kiện cho SV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có thể theo học sư phạm mà không phải lo lắng về gánh nặng chi phí ở bậc Đại học.

Tuy vậy, vẫn cần phải nhấn mạnh rằng, để đảm bảo nguồn nhân lực đủ về số lượng và tốt về chất lượng thì một mình chính sách hỗ trợ tài chính cho SVSP là chưa đủ. Những chính sách tài chính của giai đoạn “hậu ra trường” hay nói cách khác là các chính sách tạo động lực cho GV, cán bộ GD đương nhiệm và giữ chân các GV, cán bộ GD giỏi cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. “GD là quốc sách hàng đầu”, hay “Đầu tư cho GD là đầu tư cho phát triển và cho tương lai”. Những câu nói này đã trở nên quen thuộc, tuy nhiên, để chúng thực sự trở thành hiện thực thì cần có nhiều hơn nữa những nghiên cứu thấu đáo để có những quyết sách thực sự khả thi và có hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Adrian Ziderman, (2005), *Increasing Accessibility to Higher Education: A Role for Student Loans?* Paper prepared for the Independent Institute for Social Policy, Moscow.
- [2] <https://studentaid.gov/>.
- [3] D. Bruce Johnstone, (2003), *Cost Sharing in Higher Education: Tuition, Financial Assistance, and Accessibility in a Comparative Perspective*, State University of New York at Buffalo.
- [4] Ronald S. Fecso, (1993), *Quality in Student Financial Aid Programs: A New Approach*, Panel on Quality Improvement in Student Financial Aid Programs, National Research Council, National Academy of Sciences Press, ISBN: 0-309-54427-0.
- [5] Samsujjaman, (2017), *Principle And Significance Of Teacher Education*, International Journal of Engineering Development and Research (www.ijedr.org), © 2017 IJEDR | Volume 5, Issue 2 | ISSN: 2321-9939.
- [6] Michael Barber and Mona Mourshed, (2007), *How the world's best-performing school system come out on top*, Mc Kinsey & Company.
- [7] Nguyễn Thanh Tâm, (2020), *Developing National Human Resources for Specific Careers through Student Financial Aid Policies - Experience from United States Higher Education*, Hội thảo khoa học quốc tế “Ensuring a high-quality human resource in the modern age” do

- Trường Đại học Ngoại Ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, ISBN: 978-604-9985-00-3, NXB Khoa học và Công nghệ.
- [8] Mạc Thị Việt Hà, *Tìm hiểu lương giáo viên phổ thông của một số nước*, Đề tài V2013 -02.
- [9] Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Báo cáo đánh giá tác động chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm*.
- [10] Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2019), *Luật Giáo dục*.
- [11] <https://www.randstad.com/workforce-insights/future-of-work/teacher-shortages-grow-worldwide/>, truy cập ngày 05 tháng 02 năm 2021
- [12] Đỗ Minh Thư, (2020), *Báo cáo Phân tích ngành Giáo dục*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [13] Trịnh Thị Anh Hoa, (2020), *Báo cáo Phân tích ngành Giáo dục*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [14] <https://studentaid.ed.gov/sa/types/grants-scholarships/teach#what-is-teach>, truy cập ngày 22 tháng 12 năm 2020.
- [15] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Nghị định 116/2020/NĐ-CP*.

FINANCIAL SUPPORT POLICY FOR PEDAGOGICAL STUDENTS TO SECURE HUMAN RESOURCE IN EDUCATION SECTOR

Mac Thi Viet Ha

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: hamtv@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *Providing financial support for students in general and for pedagogical students in particular is the policy applied in many countries around the world. One of the goals of this policy is to secure human resource in the priority area. In Vietnam, the free tuition policy for pedagogical students has been in place for 20 years; however, this policy reveals certain shortcomings. Recently, the Education Law 2019 has stipulated that pedagogical students are supported with full tuition fees and living expenses. To concretize the Education Law 2019 (being effective from 1 July 2020), the Government has issued Decree 116/2020 / ND-CP, which specifies the financial support policy for pedagogical students, replacing the old one. Research results show that the new policy is feasible in ensuring human resource in the education sector.*

KEYWORDS: Financial support; pedagogical students; human resource in education sector; Decree 116/2020/ND-CP.